

BÁO CÁO

Rà soát, xác nhận số liệu nộp trả ngân sách cấp trên năm 2024

Thực hiện Văn bản số 1765/STC-QLNS ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài chính về việc rà soát, xác nhận số liệu nộp trả ngân sách cấp trên năm 2024.

Sau khi chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát, tổng hợp, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo như sau:

1. Kết quả rà soát số liệu nộp trả ngân sách cấp trên và nguyên nhân dẫn đến chênh lệch số liệu đã hạch toán nộp trả ngân sách tỉnh, giảm thu, giảm chi trên hệ thống Tabmis đến thời điểm 17/4/2025.

Số liệu nộp trả ngân sách cấp trên năm 2024 đã báo cáo tại Văn bản số 14/BC-TCKH ngày 05 tháng 02 năm 2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đắk Glei là **4.111.058.000 đồng**. Số liệu đã hạch toán trên hệ thống TABMIS đến thời điểm 17/4/2025 là **8.290.981.406 đồng**, chênh lệch (**4.179.923.406 đồng**).

*** Nguyên nhân chênh lệch:**

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei đã ban hành Quyết định số 153/QĐ-UBND về việc xử lý nộp trả ngân sách cấp trên kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội và kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ dự toán năm 2024 hết nhiệm vụ chi còn thừa tại ngân sách huyện.

Theo Quyết định trên, UBND huyện Đắk Glei xử lý nộp trả ngân sách cấp trên số tiền: **4.179.923.406 đồng** (*Bốn tỷ một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng*) kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội và kinh phí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ dự toán năm 2024 hết nhiệm vụ chi còn thừa tại ngân sách huyện và đã hạch toán trên hệ thống TABMIS là **8.290.981.406 đồng** (*cộng với số nộp trả trước đó là 4.111.058.000 đồng*). Tuy nhiên, các đơn vị chuyên môn chưa kịp thời tham mưu UBND huyện báo cáo và gửi các chứng từ có liên quan để làm minh chứng gửi về Sở Tài chính để biết và theo dõi, dẫn đến số liệu không đồng nhất.

2. Tình hình nộp trả ngân sách cấp trên năm 2024.

Tổng kinh phí nộp trả ngân sách tỉnh đến thời điểm ngày 18/4/2025 (niên độ ngân sách 2024) là : **9.590.611.031 đồng** (*Chín tỷ năm trăm chín mươi triệu sáu trăm mười một nghìn không trăm ba mươi mốt đồng*). Chi tiết tại biểu tổng hợp kèm theo.

*** Có các Quyết định chuyển nguồn, Quyết định nộp trả và chứng từ liên quan kèm theo**

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo Sở Tài chính biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (c/đ);
- Phòng TC-KH (t/dối);
- Lưu: VT.



Ký bởi: Nguyễn Khắc Triết
Cư quan: ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM
Thời gian ký: 19/04/2025 10:36:08

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Viết Nam

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NỘP TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ (Đồng)	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A + B +C)	9.590.611.031	
A	Tổng số huyện nộp trả	9.590.611.031	
A1	Nộp trả theo kết luận kiểm toán	2.223.058.000	
I	Nguồn ngân sách trung ương	2.223.058.000	
1	Nộp trả kinh phí hỗ trợ chi trả chế độ cho số lượng biên chế giáo viên bổ sung theo Quyết định số 72-QĐ/TW (Bổ sung tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 08/02/2024 của UBND tỉnh Kon Tum)	2.223.058.000	Nộp trả theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán NSDP và các chuyên đề lồng ghép tỉnh Kon Tum năm 2023 gửi kèm theo Công văn số 87/KTNN-TH ngày 28/6/2024 ; Công văn số 2751/UBND-KTTH ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2023 và các chuyên đề lồng ghép tỉnh Kon Tum
II	Nguồn ngân sách tỉnh		
III	Kiểm toán kiến nghị giảm trừ nhưng huyện nộp trả về ngân sách tỉnh		
IV	Kiểm toán kiến nghị chi sai nộp NSNN, huyện nộp về ngân sách tỉnh		
A2	Nộp trả khác (Theo Quyết định của UBND)	7.367.553.031	
I	Nguồn ngân sách trung ương	4.139.321.400	
1	Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại ND 105/2020/ND-CP	783.730.000	Nộp trả tại Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Đắk Glei
2	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	658.796.000	
3	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/ ND-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	1.788.260.200	
4	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/ND-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ năm 2016	1.260.322.500	
5	Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	156.100.000	
6	Kinh phí mua BHYT cho đối tượng BTXH	(242.962.700)	
7	Kinh phí mua BHYT cho đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến, BVTQ, làm nhiệm vụ quốc tế Lào, CPC, TNXP	6.176.200	
8	KP thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH theo Nghị định số 20/2021/ND-CP	(470.748.000)	
9	KP thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ CSXH	199.647.200	
II	Nguồn ngân sách tỉnh	3.228.231.631	

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ (Đồng)	Ghi chú
1	Nộp trả kinh phí thực hiện các quy hoạch năm 2024 (Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu đầu năm 2024)	1.888.000.000	Nộp trả theo Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi, bổ sung dự toán các đơn vị năm 2024 (đợt 2)
2	Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù, miễn thu thủy lợi phí	43.587.000	Nộp trả tại Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND huyện Đắk Glei và Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND huyện Đắk Glei
3	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ và bảo vệ đất trồng lúa	492.000.000	
4	Kinh phí thực hiện các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã có chủ trương của cấp thẩm quyền	55.755.663	Nộp trả tại Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND huyện Đắk Glei
5	Kinh phí thực hiện hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh đội trưởng, đội phó dân phòng	13.645.000	
6	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới điểm cấp tỉnh tại thôn Làng Mới, xã Mường Hoong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum	23.251.000	
7	Kinh phí tổ chức Đại hội dân tộc thiểu số, Đại hội Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp	64.395	
8	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện chuyên mục "diễn đàn cử tri năm"	4.000.000	
9	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	48.928.000	
10	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng an ninh trật tự cơ sở theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 28/6/2024	256.322.500	
11	KP thực hiện chính sách đặc thù của địa phương trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH theo NĐ 68/2021	82.080.000	
12	Phân cấp hỗ trợ nông thôn mới	97.000	
13	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	263.224.073	
14	Hỗ trợ thực hiện Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại xã Mường Hoong và xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei (trong đó bao gồm: Dự án sửa chữa đường giao thông từ thôn Làng Mới đi thôn Ngọc Nang, xã Mường Hoong; Đường giao thông nông thôn từ đường Ngọc Hoàng - Măng Bút đi thôn Đắk Nai, xã Ngọc Linh)	57.277.000	
A3	Kinh phí thừa không có nhu cầu sử dụng nộp trả	0	
I	Nộp trả ngân sách trung ương		
II	Nộp trả ngân sách tỉnh	0	
B	Kinh phí khấu trừ ngân sách huyện, thành phố nộp trả về ngân sách tỉnh năm 2023		
C	Kinh phí KBNN huyện hạch toán giảm thu giảm chi 2023		

Ghi chú: Số liệu cập nhật đến ngày 18/4/2025